

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2014/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 01 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung bảng đơn giá bồi thường một số loại
cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: Ngày: 4/4/2014.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung đơn giá của một số loại cây trồng trong bảng đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, như sau:

Số TT	Loại hoa màu và cây trồng	Thông số kỹ thuật cơ bản			Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
		Đường kính gốc (cm)	Chiều cao (m)	Đường kính tán (m)		
	Cây lâu năm					
I	Điều chỉnh					
1	Điều chỉnh điểm 8.1 (Cây điều hạt mật độ 400 cây/ha)					

Số TT	Loại hoa màu và cây trồng	Thông số kỹ thuật cơ bản			Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
		Đường kính gốc (cm)	Chiều cao (m)	Đường kính tán (m)		
	khoản 8					
	- Năm 1	2	1,00	0,80	đ/cây	39.000
	- Năm 2	5	1,50	1,20	đ/cây	61.000
	- Năm 3	8	2,50	2,00	đ/cây	94.000
	- Năm 4	12	3,00	3,00	đ/cây	144.000
	- Năm 5	18	4,00	3,50	đ/cây	184.000
	- Năm 6	20	4,5	4	đ/cây	223.000
	- Năm 7	21	5,0	4,5	đ/cây	253.000
	- Năm 8 trở đi	>22	>6	>4	đ/cây	283.000
2	Điều chỉnh điểm 40.11 (Keo tai tượng) khoản 40					
	- Năm 1				đ/cây	8.000
	- Năm 2				đ/cây	13.000
	- Năm 3				đ/cây	17.000
	- Năm 4				đ/cây	23.000
	- Năm 5				đ/cây	40.000
	- Từ năm thứ 6 trở đi				đ/cây	60.000
3	Điều chỉnh điểm 40.13 (Cây gió trầm) khoản 40					
	- Năm 1				đ/cây	25.000
	- Năm 2				đ/cây	70.000
	- Năm 3				đ/cây	150.000
	- Năm 4				đ/cây	150.000
	- Năm 5				đ/cây	180.000
	- Từ năm thứ 6 trở đi				đ/cây	350.000
II	Bổ sung					
1	Cây Sa kê (mật độ 156 cây/ha) vào điểm 40.20 khoản 40					
	- Năm 1				đ/cây	95.000
	- Năm 2				đ/cây	126.000
	- Năm 3				đ/cây	174.000
	- Năm 4				đ/cây	247.000
	- Năm 5 trở đi				đ/cây	348.000

Điều 2.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.
- Các nội dung khác của Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khi Nhà nước thu hồi đất vẫn không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT, Bộ TC (để B/c);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Đài PTTH, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Trung tâm Tin học;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến